TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **31**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 05-6-2023
V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Hải Âu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Thưởng.

2. Bà Trần Thị Thu Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Chung –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Vào ngày 05 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 84/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023 về *"tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị X, sinh năm 1974.

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1970.

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Bà X có mặt; ông C vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 24/3/2023, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị X trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Văn C tự tìm hiểu, quen biết và được gia đình tác hợp, tổ chức lễ cưới và sống chung từ năm 1992. Ông, bà có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 002, ngày 08/01/1992 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Quá trình sống chung, trong khoảng thời gian đầu đời sống vợ chồng không mâu thuẫn gì. Đến khoảng năm 2018, thì có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông C thường xuyên cờ bạc gây nợ nần cho gia đình. Gia đình và bản thân bà đã nhiều lần khuyên nhủ, động viên ông C từ bỏ cờ bạc, sửa sai để hàn gắn gia đình nhưng không được. Kể từ đó ông, bà sống ly thân cho đến nay. Hiện ông C đang đi làm ở Đồng Nai, ít khi về nhà và cũng không đóng góp gì cho gia đình.

Nay, bà Hồ Thị X yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn C.

- Về con chung: Quá trình sống chung, bà X và ông C có 02 con chung là Trần Quốc C1, sinh năm 1994 và Trần Thị Cẩm T, sinh năm 2004, hiện 02 con chung đã thành niên, đủ điều kiện nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

*** Tại phiên hòa giải ngày 08/5/2023, bị đơn ông Trần Văn C trình bày:**

- Về hôn nhân: Quá trình kết hôn và mâu thuẫn thống nhất đúng như bà X đã trình bày. Tuy nhiên, theo ông, mâu thuẫn vợ chồng không lớn nên không đồng ý ly hôn, muốn hàn gắn tình cảm gia đình, hứa sẽ sửa đổi, không tái phạm sai lầm nữa.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Thống nhất theo trình bày của bà Hồ Thị Xuân.

Tại phiên tòa hôm nay:

* Bà Hồ Thị X giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông Trần Văn C và các vấn đề khác như trong đơn khởi kiện.

* Ông Trần Văn C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn bà Hồ Thị X yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn C; ông C có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là *"tranh chấp ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về sự vắng mặt của các đương sự:* Tại phiên toà hôm nay, bị đơn ông Trần Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Hồ Thị X và ông Trần Văn C tự tìm hiểu, quen biết và được gia đình tác hợp nên xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 1992. Ông, bà có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 002, ngày 08/01/1992 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, hôn nhân giữa bà X và ông C là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay, bà X giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông C. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà X là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ:

Quá trình giải quyết vụ án, bà X và ông C thừa nhận thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Nhưng đến năm 2018, thì có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông C thường xuyên cờ bạc gây nợ nần cho gia đình. Gia đình và bản thân bà X đã nhiều lần khuyên nhủ, động viên ông C từ bỏ cờ bạc, sửa sai để hàn gắn gia đình nhưng không được. Gia đình cũng đã bán tài sản, thanh toán hết các khoản nợ do ông C gây ra. Cũng từ đó, ông, bà sống ly thân cho đến nay. Hiện ông C đang đi làm ở Đồng Nai, ít khi về nhà và cũng không đóng góp gì cho gia đình. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến yêu cầu khởi kiện ly hôn như trên đã được các đương sự thừa nhận tại phiên hòa giải ngày 08/5/2023. Kể từ năm 2018, bà X và ông C đã sống ly thân. Hiện nay, ông C cũng đang đi làm ở Đồng Nai nhưng không có chăm lo, đóng góp gì cho việc gìn giữ, phát triển gia đình. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà X cương quyết ly hôn vì tình cảm không còn; Bị đơn ông C cho rằng mâu thuẫn là không lớn và còn thương vợ, con muốn hàn gắn gia đình, tuy nhiên ông C không đưa ra được giải pháp thực tế, khả thi nào để hàn gắn tình cảm gia đình. Tòa án cũng đã triệu tập ông C hai lần để tham gia phiên tòa, nhưng ông C vẫn vắng mặt không lý do. Mặt khác, tại Tờ tự khai ngày 14/5/2023, chị Trần Thị Cẩm T trình bày: Từ năm 2018 đến nay, cha mẹ sống không hạnh phúc, cha không lo làm ăn chỉ lo ăn chơi rồi nợ nần phải bán đất để trả nợ, hiện nay chỉ còn lại mỗi căn nhà. Chị và anh C1 đã nhiều lần khuyên nhủ

ông C nhưng không được. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà X và ông C là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân đã không còn, căn cứ quy định tại Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn ông Trần Văn C của bà Hồ Thị X.

[4]. *Về con chung:* Bà Hồ Thị X và ông Trần Văn C có 02 người con chung là anh Trần Quốc C1, sinh năm 1994 và chị Trần Thị Cẩm T, sinh năm 2004, hiện anh, chị đã thành niên, đủ điều kiện nuôi sống bản thân nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. *Về tài sản chung:* Quá trình giải quyết vụ án, bà X và ông C xác định tài sản chung do vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. *Về nợ chung:* Quá trình giải quyết vụ án, bà X và ông C khẳng định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. *Về án phí:* Bà Hồ Thị X phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8]. *Về quyền kháng cáo:* Bà Hồ Thị X và ông Trần Văn C có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 266, 267, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị X. Cho ly hôn giữa bà Hồ Thị X và ông Trần Văn C.

2. Về án phí: Bà Hồ Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0020012 ngày 11/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh

Tiền Giang, xem như bà X đã thi hành xong nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Hồ Thị X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Ông Trần Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã T;
- UBND xã T;
- Các đương sự:
+ Hồ Thị X;
+ Trần Văn C.
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

Thạch Hải Âu